

BÀI 7:
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN
SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)

I. Các nhân tố tự nhiên:

1. Tài nguyên đất:

- Là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu không thể thay thế được của ngành nông nghiệp.
- Tài nguyên đất ở nước ta khá đa dạng với 14 nhóm đất khác nhau, trong đó có hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất là đất feralit và đất phù sa.
 - + Đất phù sa: khoảng 3 triệu ha tập trung tại các đồng bằng thích hợp nhất với cây lúa nước và các cây ngắn ngày khác.
 - + Đất feralit: chiếm diện tích trên 16 triệu ha chủ yếu ở trung du, miền núi thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp lâu năm như chè, cà phê, cao su... cây ăn quả và một số cây ngắn ngày như sắn, ngô, khoai, đậu.
- Diện tích đất nông nghiệp hiện nay là hơn 9 triệu ha do đó việc sử dụng hợp lý các tài nguyên đất là rất quan trọng đối với phát triển nông nghiệp của nước ta.
- Khó khăn: còn nhiều diện tích đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn, xói mòn, bạc màu, cần phải cải tạo.

2. Tài nguyên khí hậu:

- Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, do đó cây cối xanh tươi quanh năm sinh trưởng nhanh, sản xuất nhiều vụ trong năm. Khí hậu thích hợp cho nhiều loại cây công nghiệp, cây ăn quả.
- Sự phân hoá đa dạng của khí hậu nước ta theo mùa và theo không gian lãnh thổ tạo cho cơ cấu cây trồng đa dạng có thể trồng được các loại cây nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới. Ví dụ: miền Bắc có mùa đông lạnh, miền núi và cao nguyên có khí hậu mát mẻ nên trồng được rất nhiều loại cây ôn đới, cận nhiệt đới: khoai tây, cải bắp, su hào, táo, lê, mận, chè...
- Ngoài ra cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng còn có sự khác nhau giữa các vùng.
- Những tai biến thiên nhiên thường gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp như bão, gió tây khô nóng, sương muối, rét hại.... Khí hậu nóng ẩm còn là môi trường thuận lợi

cho các loại nấm mốc, sâu bệnh có hại phát triển....Tất cả các khó khăn đó làm ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng cây trồng vật nuôi.

3. Tài nguyên nước:

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi, hồ ao dày đặc với lượng nước dồi dào, phong phú có giá trị lớn cho sản xuất nông nghiệp.

- Nguồn nước ngầm cũng rất dồi dào để giải quyết nước tưới nhất là mùa khô

- Khó khăn: lũ lụt vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô do đó thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp nước ta, vì:

+ Chống lũ lụt vào mùa mưa.

+ Cung cấp nước tưới vào mùa khô

+ Cải tạo đất mở rộng diện tích đất canh tác

+ Tăng vụ, thay đổi cơ cấu mùa vụ và cây trồng tạo ra năng suất và sản lượng cây trồng cao

4. Tài nguyên sinh vật:

- Nước ta có nguồn tài nguyên thực động vật phong phú, là cơ sở để nhân dân ta thuần dưỡng lại tạo nên các giống cây trồng vật nuôi có chất lượng tốt thích nghi cao với điều kiện sinh thái của từng địa phương.

- Khó khăn

+ Tài nguyên sinh vật đang dần cạn kiệt

+ Ô nhiễm môi trường

II. Các nhân tố kinh tế – xã hội:

1. Dân cư và lao động nông thôn:

Người nông dân Việt Nam giàu kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, gắn bó với đất đai; khi có chính sách thích hợp khuyến khích sản xuất thì người nông dân phát huy được bản chất cần cù, sáng tạo của mình.

* Khó khăn: Thiếu việc làm trong điều kiện sản xuất nông nghiệp ngày càng được cơ giới hoá.

2. Cơ sở vật chất- kĩ thuật:

- Cơ sở vật chất - kĩ thuật phục vụ trồng trọt, chăn nuôi ngày càng được hoàn thiện và phát triển.
- Công nghiệp chế biến nông sản phát triển và phân bố rộng khắp góp phần làm tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định và phát triển các vùng chuyên canh.
- Khó khăn: thiếu vốn đầu tư, cơ sở vật chất kĩ thuật và trình độ khoa học kĩ thuật còn hạn chế.

3. Chính sách phát triển nông nghiệp:

- Phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, nông nghiệp hướng ra xuất khẩu
- Vai trò của các chính sách đó là cơ sở động viên nông dân làm giàu. Khuyến khích sản xuất, khơi dậy và phát huy mặt mạnh của hàng nông nghiệp, tạo nhiều việc làm, ổn định đời sống nông dân.
- Tạo mô hình phát triển nông nghiệp thích hợp, khai thác mọi tiềm năng sẵn có

4. Thị trường trong và ngoài nước:

- Thị trường trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng thúc đẩy sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
- Khó khăn: Sự biến động của thị trường, giá cả không ổn định cũng ảnh hưởng lớn đến sản xuất một số cây trồng, vật nuôi quan trọng.

.....

B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)

Bài tập 1 trang 27 SGK địa lý 9:

Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta.

Trả lời:

- Đất: Đa dạng, có 14 nhóm khác nhau, trong đó chiếm diện tích lớn nhất là đất phù sa và đất feralit.
- + Đất phù sa khoảng 3 triệu ha, tập trung chủ yếu ở các đồng bằng, thích hợp cho trồng lúa nước và nhiều cây công nghiệp ngắn ngày.
- + Đất feralit khoảng 16 triệu ha, tập trung chủ yếu ở trung du và miền núi, thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, cao su,...), cây ăn quả và một số cây ngắn ngày (ngô đậu tương,...).
- + Diện tích đất nông nghiệp hiện nay khoảng 9 triệu ha.
- Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa ẩm.

- + Nguồn nhiệt, ẩm phong phú tạo điều kiện cây cối phát triển quanh năm, có thể trồng 2-3 vụ/năm.
- + Phân hoá rõ rệt theo chiều Bắc - Nam, theo mùa và theo độ cao, cho phép nước ta cung cấp sản phẩm đa dạng (cả cây nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới), cơ cấu mùa vụ khác nhau giữa các vùng.
- Nước:
 - + Mạng lưới sông ngòi dày đặc, có giá trị về mặt thuỷ lợi.
 - + Nguồn nước ngầm dồi dào là nguồn nước tưới quan trọng vào mùa khô.
- Tài nguyên sinh vật phong phú:
 - + Là cơ sở để thuần dưỡng, tạo nên các cây trồng, vật nuôi.
 - + Nhiều giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng tốt, thích nghi với các điều kiện sinh thái của từng địa phương.

Bài tập 2 trang 27 SGK địa lý 9:

Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

Trả lời:

- Tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản.
- Thúc đẩy sự phát triển các vùng chuyên canh.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Có thể nói, nhờ sự hỗ trợ tích cực của công nghiệp chế biến, nông nghiệp nước ta mới trở thành ngành sản xuất hàng hoá.

BÀI 8:

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)

I. Ngành trồng trọt:

Từ một nền nông nghiệp chủ yếu dựa trên độc canh cây lúa, nước ta đã đẩy mạnh sản xuất nhiều loại cây công nghiệp và các cây trồng khác.

1. Cây lương thực:

- Gồm lúa và các cây hoa màu như ngô, khoai, sắn. Trong các cây lương thực ở nước ta, lúa là cây lương thực chính, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu.
- Việt Nam là một trong những trung tâm xuất hiện sớm nghề trồng lúa ở Đông Nam Á. Lúa được trồng trên khắp đất nước ta.
- Do trồng nhiều giống mới nên cơ cấu mùa vụ thay đổi, có vụ lúa sớm, lúa chính vụ và lúa muộn.
- Hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất là Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.

2. Cây công nghiệp:

- Tạo ra nhiều nguồn xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tận dụng tài nguyên, phá thế độc canh trong nông nghiệp và góp phần bảo vệ môi trường.
- Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp, nhất là các cây công nghiệp lâu năm.
- Phân bố hầu hết trên 7 vùng sinh thái cả nước. Nhưng trọng điểm là 2 vùng Tây nguyên và Đông Nam Bộ.

3. Cây ăn quả:

- Nước ta có tiềm năng tự nhiên để phát triển các loại cây ăn quả: khí hậu và đất trồng đa dạng, nước tưới phong phú, ...
- Với nhiều loại đặc sản có giá trị xuất khẩu cao. Ví dụ: cam xâu Đoài, vải thiều, đào SaPa, nhãn Hưng Yên, bưởi năm roi, sầu riêng, măng cụt...
- Các vùng trồng cây ăn quả lớn nhất là Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

II. Ngành chăn nuôi:

- Chiếm tỉ trọng chưa lớn trong nông nghiệp: khoảng 20%
- Gồm:
 - + Nuôi trâu bò chủ yếu ở miền núi và trung du để lấy sức kéo, thịt.
 - + Ven các thành phố lớn hiện nay có nuôi bò sữa (vì gần thị trường tiêu thụ).
 - + Nuôi lợn ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
 - + Nuôi gia cầm chủ yếu ở vùng đồng bằng.

B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)

Bài tập 1 trang 33 SGK địa lý 9: Nhận xét và giải thích sự phân bố các vùng trồng lúa ở nước ta.

Trả lời:

- Nhận xét: Các vùng trồng lúa của nước ta phân bố chủ yếu ở các đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng duyên hải miền Trung. Ngoài ra, còn có ở các cánh đồng thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
 - Giải thích: Các vùng này có nhiều điều kiện thuận lợi cho trồng lúa: Đồng bằng phù sa màu mỡ, cơ sở vật chất kĩ thuật trong nông nghiệp tốt, nhất là về thủy lợi, đông dân cư,...
- Bài tập 2 trang 33 SGK địa lý 9: Căn cứ vào bảng số liệu 8.4. trang 33 SGK (Cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi), hãy vẽ hai biểu đồ cột cao bằng nhau thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.***

Hướng dẫn:

- Vẽ biểu đồ cột có hai cột cao bằng nhau. Một cột thể hiện tỉ trọng của gia súc, gia cầm; sản phẩm trứng, sữa; phụ phẩm chăn nuôi năm 1990; một cột - năm 2002. Trên mỗi cột có nhiều đoạn chồng lên nhau (gọi là cột chồng), chiều cao của mỗi đoạn ứng với giá trị của mỗi loại sản phẩm chăn nuôi được thể hiện.
- Trục hoành thể hiện năm (hai năm 1990 và 2002). Trục tung thể hiện đơn vị % (có 100%).
- Tên biểu đồ là: Biểu đồ cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.

.....

Dặn dò:

- Học bài 7 và 8.
- Làm các bài tập ở cuối bài.
- Đọc trước bài 9 và chuẩn bị trước bài 10 (bài tập 2).
- Chuẩn bị thước thẳng, thước đo độ, compa, máy tính để thực hành vẽ biểu đồ.